

Số 1164/TM-CDYT

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 10 năm 2026

THƯ MỜI (lần 2)

**V/v cung cấp báo giá về mua hóa chất, sinh phẩm, dược liệu,
công cụ dụng cụ, vật tư tiêu hao phục vụ công tác giảng dạy học kỳ 1
năm học 2026-2027**

Kính gửi: Các Công ty, Doanh nghiệp về cung cấp hóa chất, vật tư y tế.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 và các Luật sửa đổi, bổ sung số 57/2024/QH15, số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giao quyền tự chủ tài chính cho Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa giai đoạn 2026-2030;

Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa có nhu cầu mua hóa chất, sinh phẩm, dược liệu công cụ dụng cụ, vật tư tiêu hao phục vụ công tác giảng dạy học kỳ 1 năm học 2026-2027, cụ thể như sau:

1. Nội dung cần cung cấp báo giá:

Theo bảng phụ lục đính kèm.

2. Địa điểm và thời gian nhận hồ sơ chào giá:

- Phương thức gửi hồ sơ chào giá: gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.
- Địa điểm nhận hồ sơ chào giá: Phòng Tổ chức - Hành chính. Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa – Tổ dân phố Hòn Nghê 2, phường Tây Nha Trang.
- Thời gian nhận báo giá: từ ngày ra thông báo đến hết ngày 06/11/2026.

3. Thông tin liên hệ:

- Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa/ Phòng Tổ chức - Hành chính.
- Người liên hệ: Ông Nguyễn Hữu Phước
- Số điện thoại: 0947847657

4. Yêu cầu đối với đơn vị cung cấp:

- Bảng báo giá có ngày phát hành và đóng dấu của Công ty/Doanh nghiệp (kèm các điều kiện, tiêu chuẩn, hạn sử dụng cụ thể đối với nội dung báo giá).
- Thời hạn hiệu lực của báo giá: 90 ngày kể từ ngày phát hành bản báo giá.
- Bản báo giá đã bao gồm thuế VAT theo quy định.
- Có đăng ký doanh nghiệp/đăng ký hoạt động hợp pháp (*photo gửi kèm theo bản báo giá của Công ty/Doanh nghiệp*).
- Không tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi với Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa.
- Không vi phạm các quy định của pháp luật trong hoạt động đấu thầu và hoạt động kinh doanh của Công ty/Doanh nghiệp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng Website;
- Lưu: VT, TC-HC.

HIỆU TRƯỞNG**Trần Ngọc Thành**

**PHỤ LỤC 1****Danh mục Hóa chất và sinh phẩm**

(kèm theo Thư mời số 1164/TM-CDYT ngày 27 /10/2026
của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa)

Danh sách gồm 83 mục./.

STT	Mã số	Danh mục hóa chất và sinh phẩm	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Tổng SL
1	KT1	Cồn 90 ⁰ độ và can đựng				lít	60
2	KT2	Vaseline				Hũ	19
3	KT3	Cồn 90 ⁰ độ và can đựng				lít	43
4	KT4	Vaseline				Hũ	13
5	KT5	Gamma Globulin	Việt Nam			lọ	2
6	KT6	Thuốc thử Anti A	Việt Nam			lọ	4
7	KT7	Thuốc thử Anti B	Việt Nam			lọ	4
8	KT8	Thuốc thử Anti AB	Việt Nam			lọ	4
9	KT9	Thuốc thử Anti D	Việt Nam			lọ	4
10	KT10	Thuốc nhuộm Hồng cầu lưới (Brilliant Cresyl Blue)	Việt Nam			lọ	5
11	KT11	Nước muối sinh lý 0.9%	Việt Nam			Chai	12
12	KT12	Hóa chất định lượng Glucose(dùng cho máy sinh hoá bán tự động nha)	Việt Nam			lọ	3
13	KT13	Hóa chất định lượng Triglycerid(dùng cho máy sinh hoá bán tự động nha)	Việt Nam			lọ	3
14	KT14	Hóa chất định lượng Protein(dùng cho máy sinh hoá bán tự động nha)	Việt Nam			lọ	3
15	KT15	Hóa chất định lượng Ure(dùng cho máy sinh hoá bán tự động nha)	Việt Nam			lọ	3

16	KT16	Hóa chất định lượng reatinin(dùng cho máy sinh hoá bán tự động nha)	Việt Nam			lọ	3
17	KT17	Hóa chất định lượng GOT(dùng cho máy sinh hoá bán tự động nha)	Việt Nam			lọ	3
18	KT18	Hóa chất định lượng GPT(dùng cho máy sinh hoá bán tự động nha)	Việt Nam			lọ	3
19	KT19	Bộ nhuộm Gram	Việt Nam			bộ	9
20	KT20	Thuốc nhuộm Xanh methylen	Việt Nam			lọ	1
21	KT21	Thuốc nhuộm đỏ Fucshin	Việt Nam			lọ	3
22	KT22	Que thử nước tiểu 10 thông số	Việt Nam			lọ	6
23	KT23	Nước rửa tay Lifebuoy 450g	Việt Nam			chai	6
24	KT24	Dung dịch ngâm dụng cụ Anios' Clean Excel 1 lít	Pháp			can	2
25	KT25	Dung dịch sát trùng bề mặt Cavicide	Mỹ	Metrex		chai(có vòi xịt)	3
26	KCB1	Natri axetat (CH ₃ COONa)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	480
27	KCB2	Canxi hydroxit (Ca(OH) ₂)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	720
28	KCB3	Brom (Br)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	240
29	KCB4	Thuốc tím (KMnO ₄)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	720
30	KCB5	Natri Carbonat (Na ₂ CO ₃)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	480
31	KCB6	Acid Sulfuric (H ₂ SO ₄)	Trung Quốc/ Việt Nam			ml	1200
32	KCB7	Canxi cacbua (CaC ₂)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	720

33	KCB8	Bạc nitrat (AgNO_3)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	184
34	KCB9	Axit clohidric (HCl)	Trung Quốc/ Việt Nam			ml	960
35	KCB10	Axit nitric (HNO_3)	Trung Quốc/ Việt Nam			ml	960
36	KCB11	kali dicromat ($\text{K}_2\text{Cr}_2\text{O}_7$)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	480
37	KCB12	Etanol 98% ($\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$)	Trung Quốc/ Việt Nam			ml	960
38	KCB13	Glixerol ($\text{C}_3\text{H}_5(\text{OH})_3$)	Trung Quốc/ Việt Nam			ml	480
39	KCB14	Etilenglicol ($(\text{CH}_2\text{OH})_2$)	Trung Quốc/ Việt Nam			ml	240
40	KCB15	Phenol ($\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$)	Trung Quốc/ Việt Nam			ml	240
41	KCB16	Sắt(III) chloride (FeCl_3)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	960
42	KCB17	Amoni (NH_3)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	960
43	KCB18	Fomandehit (H_2CO)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	960
44	KCB19	Đồng(II) sunfat (CuSO_4)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	1200
45	KCB20	Natri hydroxit (NaOH)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	1200
46	KCB21	Axit axetic (CH_3COOH)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	1200
47	KCB22	Metyl da cam	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	24
48	KCB23	Metyl đỏ	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	24

49	KCB24	Phenolphthalein	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	24
50	KCB25	Quỳ tím	Trung Quốc/ Việt Nam			Cuộn	4.8
51	KCB26	Bột Mg	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	480
52	KCB27	Đồng(II) oxide (CuO)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	480
53	KCB28	Metylamin	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	24
54	KCB29	Sắt (III) clorua (FeCl ₃)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	480
55	KCB30	Glucose	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	1200
56	KCB31	Saccarose	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	1200
57	KCB32	Potassium Iodide (KI)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	240
58	KCB33	Aminoaxetic (NH ₂ -CH ₂ -COOH)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	480
59	KCB34	Dung dịch protein	Trung Quốc/ Việt Nam			ml	1200
60	KCB35	Amoni sulfat ((NH ₄) ₂ SO ₄)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	480
61	KCB36	Axit benzoic (C ₇ H ₆ O ₂)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	1200
62	KCB37	Giấy lọc	Trung Quốc/ Việt Nam			miếng	240
63	KCB38	Bạc chloride (AgCl)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	128
64	KCB39	Thủy ngân clorua (Hg ₂ Cl ₂)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	128

65	KCB40	Chì(II) chloride (PbCl ₂)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	128
66	KCB41	Kali Chromiat (K ₂ CrO ₄)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	128
67	KCB42	Amoni hydroxit (NH ₄ OH)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	128
68	KCB43	Bari sulfat (BaSO ₄)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	256
69	KCB44	Sắt (II) hydroxit (Fe(OH) ₂)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	256
70	KCB45	Sắt (III) hydroxit (Fe(OH) ₃)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	256
71	KCB46	Magnesi hydroxide (Mg(OH) ₂)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	256
72	KCB47	Mangan(II) hydroxide (Mn(OH) ₂)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	256
73	KCB48	Acid oxalic (H ₂ C ₂ O ₄)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	384
74	KCB49	Iod (I ₂)	Trung Quốc/ Việt Nam			gam	128
75	KY1	Mật ong	Trung Quốc/Việt Nam			lít	6
76	KY2	Dầu massage	Việt Nam		thể tích 250ml	lít	4
77	KD1	Nước Oxy già loãng 3% chai 60,0 ml				Chai	400
78	KD2	Viên nén Aspirin PH8 500 mg				Viên	2000
79	KD3	Viên nang Amoxocillin 500mg				Viên	2000
80	KD4	Viên nang Vitamin C 500 mg				Viên	2000
81	KD5	Thuốc bột Sorbitol 5g				Gói	300
82	KD6	Dung dịch tiêm truyền NaCl 500 ml				Chai	17

83	KD7	Hỗn dịch Gelactive fort				Gói	600
----	-----	----------------------------	--	--	--	-----	-----

PHỤ LỤC 2**Danh mục Vật tư tiêu hao**

(kèm theo Thư mời số /TM-CDYT ngày /10/2026
của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa)

Danh sách gồm 233 mục./.

STT	Mã số	Vật tư y tế tiêu hao	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Tổng đề xuất
1	KY1	Khẩu trang y tế	Việt Nam	Linh hoạt hăng	hộp 50 cái	Hộp	13
2	KY2	Găng tay y tế có bột Vglove	Việt Nam	Linh hoạt hăng	Size M, hộp 50 đôi	Hộp	13
3	KY3	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Việt Nam	Linh hoạt hăng	thể tích 500ml	Chai	15
4	KY4	Cồn sát khuẩn 70 độ	Việt Nam	Linh hoạt hăng	thể tích 500ml	chai	8
5	KY5	Bông y tế (dạng viên)	Việt Nam	Linh hoạt hăng	Dạng viên, Gói 500 g	Gói	8
6	KY6	Kim châm cứu số 3	Việt Nam / Trung Quốc	Linh hoạt hăng	kích thước 0.30x30mm , hộp 100 cây	Hộp	56
7	KY7	Kim châm cứu số 4	Việt Nam / Trung Quốc	Linh hoạt hăng	kích thước 0.30x40mm , hộp 100 cây	Hộp	28
8	KY8	Kim khâu tăng sinh mô	Việt Nam	Linh hoạt hăng		Cái	19
9	KY9	Chỉ khâu tăng sinh mô	Việt Nam	Linh hoạt hăng		Cuộn	19
10	KY10	Hộp an toàn đựng vật sắc nhọn 6.8 lít	Việt Nam	Linh hoạt hăng	Nhựa tiêu chuẩn y tế, 1.5 lít	Hộp	8
11	KY11	Ống nghe tim phổi	Nhật Bản	Yam asu	tiêu chuẩn	cái	5

12	KY12	Máy đo huyết áp cơ	Nhật Bản	Yam asu	dùng đo người lớn	cái	5
13	KY13	Gel siêu âm	Việt Nam	Linh hoạt hãng	can 5 lít	lít	10
14	KT1	Sáp hồng nền(lá) 200gr	Việt Nam			gói	30
15	KT2	Thạch cao Planet	Thái Lan			Kg	60
16	KT3	Thạch cao trắng thường	Việt Nam			Kg	30
17	KT4	Alginate	ý			Bịch	30
18	KT5	Bột nhựa nấu hồng 500 gr	Hà Lan			Bịch	12
19	KT6	Nước nhựa nấu 500ml	trung quốc			Chai	12
20	KT7	Bột nhựa tự cứng hồng 100 gr	Đài Loan			Chai	24
21	KT8	Nước nhựa tự cứng 100ml	trung quốc			Chai	60
22	KT9	Bột Nhựa nấu trong số 0 (500gr)	Hà Lan			Chai	5
23	KT10	Răng nhựa Việt Nam vĩ 8 cái răng sau hàm trên màu A3	Tùy nguồn cung cấp			Vĩ	29
24	KT11	Răng nhựa Việt Nam 14c hàm trên màu A3	Tùy nguồn cung cấp			Cái	3
25	KT12	Răng nhựa Việt Nam 14c hàm dưới màu A3	Tùy nguồn cung cấp			Cái	3

26	KT13	Răng Việt Nam 14c hàm trên màu A1, A2, A3, A35	Tùy nguồn cung cấp		8 vỉ mỗi màu	Cái	31
27	KT14	Bột đúc Provest+nước bột đúc	Tùy nguồn cung cấp			Thùng	1
28	KT15	Bột đúc sao mẫu hàm khung bốn mùa	Mỹ			Thùng	1
29	KT16	Sáp móc hàm khung xương cá Sivuch (premolar clasps)	đài loan			Hộp	1
30	KT17	Sáp lưới tròn hàm khung Sivuch 2mm	đài loan			Hộp	1
31	KT18	Sáp móc hàm khung Chữ T Sivuch	đài loan			Hộp	1
32	KT19	Sáp bông nền hàm khung hàm trên Sivuch 0.45mm DW-6558045LA	đài loan			Hộp	1
33	KT20	Kim loại khung Zaire vụn	Việt Nam			Hộp	1
34	KT21	Agar sao mẫu hàm khung	Trung Quốc			kg	6
35	KT22	Keo nhúng mẫu hàm khung	Tùy nguồn cung cấp			Chai	1
36	KT23	Dung dịch điện giải khung kim loại	Việt Nam			Chai	1
37	KT24	Dung dịch modeling liquid U ceramco3	mỹ			hũ	1

38	KT25	Bột sứ Opaceous dentin A3 ceramco3 (28.4gr)	mỹ			hũ	1
39	KT26	Bột sứ dentin A3 ceramco3 4oz (113.4 gr)	mỹ			hũ	2
40	KT27	Bột sứ Enamel Light Ceramco3 4oz (113.4 gr)	mỹ			hũ	1
41	KT28	Bột sứ Enamel Clear Ceramco3 (28.4 gr)	mỹ			hũ	2
42	KT29	Opaque nền base paste ceramco3	mỹ			Tuýp	2
43	KT30	Opaque màu A3 ceramco3	mỹ			Tuýp	2
44	KT31	Stain ceramco3 orange(3g)	mỹ			hũ	1
45	KT32	Stain ceramco3 brown(3g)	mỹ			hũ	1
46	KT33	Bột sứ dentin Noritake CZR A2 (200gr)	mỹ			hũ	2
47	KT34	Bột sứ Noritake CZR Translucent Tx(50 gr)	mỹ			hũ	2
48	KT35	Bột sứ Noritake CZR Enamel E1(50 gr)	mỹ			hũ	2
49	KT36	Chất cách ly sáp	Trung Quốc			Chai 100m l	2
50	KT37	Sáp inlay xanh Sivuch	đài loan			500 gr	4

51	KT38	Kim loại sứ Neo CastV (Ni-Cr)	Mỹ			Hộp	1
52	KT39	Giấy cản Hanel 80 µm	Đức			Hộp 144 tờ	2
53	KT40	Vecni	Việt Nam			Chai 300ml	9
54	KT41	Sáp vành khít Patondeker Peri Compound	nhật bản			Hộp	1
55	KT42	Lơ đánh bóng kim loại	Việt Nam			Cái	1
56	KT43	Cao su lỏng Elite 90ml	ý			Hộp	1
57	KT44	Bột đánh bóng	Việt Nam			Bịch 1kg	2
58	KT45	Lơ đánh bóng nhựa	Việt Nam			Cái	1
59	KT46	Sáp hồng nền(lá) 200gr	Việt Nam			gói	24
60	KT47	Thạch cao Planet	Thái Lan			Kg	42
61	KT48	Thạch cao trắng thường	Việt Nam			Kg	39
62	KT49	Alginate	ý			Bịch	18
63	KT50	Bột nhựa nấu hồng 500 gr	trung quốc			Bịch	2
64	KT51	Nước nhựa nấu 500ml	trung quốc			Chai	6
65	KT52	Bột nhựa tự cứng hồng 100 gr	trung quốc			Chai	24
66	KT53	Nước nhựa tự cứng 100ml	trung quốc			Chai	30

67	KT54	Bột Nhựa tự cứng số 0 (100gr)	trung quốc			Chai	9
68	KT55	Răng nhựa Việt Nam 14c hàm trên màu A3	Tùy nguồn cung cấp			Cái	3
69	KT56	Răng nhựa Việt Nam 14c hàm dưới màu A3	Tùy nguồn cung cấp			Cái	3
70	KT57	Răng Việt Nam 14c hàm trên màu A1, A2, A3, A35	Tùy nguồn cung cấp		16 vỉ mỗi màu	Cái	62
71	KT58	Răng Việt Nam 14c hàm dưới màu A1, A2, A3, A35	Tùy nguồn cung cấp			Cái	62
72	KT59	Bột đúc Provest+nước bột đúc	Tùy nguồn cung cấp			Thùng	1
73	KT60	Chất cách ly sáp	Tùy nguồn cung cấp			Chai 100ml	1
74	KT61	Sáp inlay xanh Sivuch	đài loan			500 gr	1
75	KT62	Giấy cắn Hanel 80 µm	thụy sĩ			Hộp 144 tờ	1
76	KT63	Vecni	Việt Nam			Chai 300ml	6
77	KT64	Cao su lỏng Elite 90ml	ý			Hộp	1
78	KT65	Bột đánh bóng	Tùy nguồn cung cấp			Bịch 1kg	2
79	KT66	Kim lấy máu tĩnh mạch	Việt Nam			Hộp	3
80	KT67	găng tay y tế	Việt Nam			Hộp	24

81	KD1	Bơm tiêm SD 1 lần 1ml/cc	Việt Nam	Vina Han Kook	26G (Hộp/100c)	Hộp	33
82	KD2	Bơm Tiêm SD 1 lần 3ml/cc	Việt Nam	Vina Han Kook	25G (Hộp/100c)	Hộp	33
83	KD3	Bơm Tiêm SD 1 lần 5ml/cc	Việt Nam	Vina Han Kook	25G (Hộp/100c)	Hộp	30
84	KD4	Bơm Tiêm SD 1 lần 50ml/cc	Việt Nam	Vina Han Kook	25G (Hộp/25c)	Hộp	15
85	KD5	Kim tiêm sử dụng 1 lần 18G	Việt Nam	Vina Han Kook	18G (Hộp 100c)	Hộp	32
86	KD6	Kim luồn truyền dịch (Kim luồn tĩnh mạch) 22G	Ấn Độ	Lamed	22G	Cái	330
87	KD7	Dây truyền dịch AM	Việt Nam	Linh hoạt hăng	22G	Bộ	280
88	KD8	Gạc y tế (mét)	Việt Nam	Linh hoạt hăng	Gói/250 mét	Gói	6
89	KD9	Gạc y tế tiết trùng	Việt Nam	Linh hoạt hăng	40cm*40cm Gói/10 miếng	Gói	427
90	KD10	Nước muối sinh lý 0,9% (dịch truyền chai nhựa 500ml)	Việt Nam	Linh hoạt hăng	Chai 500ml	Chai	70
91	KD11	Băng Keo lụa Urgo 2.5Cm*5M TL	Thái Lan	Urgo	2,5cm*5M	Cuộn	130
92	KD12	Nước Cắt Pha Tiêm 5ml	Việt Nam	HD Pharma	Hộp 50 ống, 5ml/ống	Hộp	135
93	KD13	Găng tay y tế có bột Vglove	Việt Nam	Khải Hoàn	Size M, hộp 50 đôi	Hộp	88
94	KD14	Găng tay tiết trùng Vglove	Việt Nam	Khải Hoàn	Size 7.5	Đôi	1755
95	KD15	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Việt Nam	Opidis	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Chai	70

				Phar ma	Clinicare opodis Pharma, thể tích 500ml		
96	KD16	Betadin 10%	Việt Nam	Mun diph arma Phar m	Dung dịch sát khuẩn, chai 30 ml, thành phần povidon iod	Lọ	80
97	KD17	Bông y tế (dạng viên)	Việt Nam	Linh hoạt hãng	Dạng viên, Gói 50 g	Gói	323
98	KD18	Vaseline	Việt Nam	Linh hoạt hãng	Gel bôi da 10g	Tuyp	75
99	KD19	Phấn thoa da	Việt Nam	Linh hoạt hãng	Chai 80g	Chai	89
100	KD20	Ống thông dạ dày	Linh hoạt hãng	Linh hoạt hãng	Size 16 Fr, Hộp (25 sợi)	Sợi	30
101	KD21	Ống thông hậu môn	Linh hoạt hãng	Linh hoạt hãng	Size 24 Fr, Hộp(10 sợi)	Hộp	40
102	KD22	Ống thở oxy cannula	Linh hoạt hãng	Linh hoạt hãng	Size L	Cái	60
103	KD23	Mask thở oxy không túi	Linh hoạt hãng	Linh hoạt hãng	Size L	Cái	70
104	KD24	Ống hút đàm nhớt có khóa	Linh hoạt hãng	Linh hoạt hãng	Size 16 Fr Hộp 10 sợi	Hộp	50
105	KD25	Ống thông tiểu nelaton	Linh hoạt hãng	Linh hoạt hãng	Size 16 Fr	Sợi	65
106	KD26	Ống thông tiểu foley 2 nhánh	Linh hoạt hãng	Gree tmed	Size 16 Fr	Sợi	55
107	KD27	Túi chứa nước tiểu	Linh hoạt hãng	Có val T- dâyG T028 -210 TQ	dung tích chứa 2 lít	Cái	50
108	KD28	Máy đo huyết áp cơ kèm ống nghe	Nhật Bản	Yam asu	Dùng đo người lớn	Cái	40

109	KD29	Ống nghe tim phổi	Nhật Bản	Yam asu	Tiêu chuẩn	Cái	25
110	KD30	Tấm trải nylon	Việt Nam	Linh hoạt hăng	kích thước 40x60 cm	Cái	70
111	KD31	Đề lưỡi gỗ	Việt Nam	Lạc Việt	Hộp/100 cái	Hộp	142
112	KD32	Tấm bông vệ sinh tai mũi	Việt Nam	Linh hoạt hăng	Gói/100 que	Gói	142
113	KD33	Dây garo	Việt Nam	Linh hoạt hăng	Thun	Sợi	30
114	KD34	Oxy già 3%	Việt Nam	Vĩnh Phúc	60 ml	Chai	90
115	KD35	Băng cuộn thun y tế	Việt Nam	Linh hoạt hăng	120 cm x 6 cm, 2 móc	Cuộn	70
116	KD36	Băng cuộn thun y tế	Việt Nam	Linh hoạt hăng	120cm x 10cm, 3 móc	Cuộn	70
117	KD37	Hộp an toàn đựng vật sắc nhọn 10 lít	Linh hoạt hăng	Linh hoạt hăng	Nhựa tiêu chuẩn y tế, 10 lít	Hộp	36
118	KD38	Hộp an toàn đựng vật sắc nhọn, 5 lít	Linh hoạt hăng	Linh hoạt hăng	Nhựa tiêu chuẩn y tế, 5 lít	Hộp	36
119	KD39	Hộp nhựa đựng thuốc cấp cứu phản vệ	Linh hoạt hăng	Linh hoạt hăng	tiêu chuẩn	Hộp	36
120	KD40	Ống dẫn lưu tiết niệu: pezzet	Linh hoạt hăng	Linh hoạt hăng	Fr 18	Sợi	19
121	KD41	Ống dẫn lưu tiết niệu: malecot 1 nhánh	Linh hoạt hăng	Linh hoạt hăng	1 nhánh Fr 18	Sợi	19
122	KD42	Ống dẫn lưu Kehr (chữ T)	Linh hoạt hăng	Linh hoạt hăng	Fr 14	Sợi	19
123	KD43	Ống dẫn lưu ổ bụng	Linh hoạt hăng	Linh hoạt hăng	tiêu chuẩn	Sợi	19
124	KD44	Ống dẫn lưu pigtail (kích cỡ 14fr)	Linh hoạt hăng	Linh hoạt hăng	Fr 14	Sợi	19

125	KCB1	Cốc có mỏ 100 ml	Trung Quốc/ Việt Nam			Cái	13
126	KCB2	Pipet chính xác 2 ml	Trung Quốc/ Việt Nam			Cái	2
127	KCB3	Pipet chính xác 10 ml	Trung Quốc/ Việt Nam			Cái	13
128	KCB4	Quả bóp cao su	Trung Quốc/ Việt Nam			Cái	37
129	KCB5	Quả bóp cao su 2 van	Trung Quốc/ Việt Nam			Cái	37
130	KCB6	Bình tia xịt nước 500 ml	Trung Quốc/ Việt Nam			Cái	15
131	KCB7	Thìa xúc hóa chất inox 2 đầu tròn (16 cm)	Trung Quốc/ Việt Nam			Cái	18
132	KCB8	Khẩu trang hoạt tính	Trung Quốc/ Việt Nam			Cái	1472
133	KCB9	Bao tay y tế	Trung Quốc/ Việt Nam			Cái	2208
134	KCB11	Giấy lọc kích thước 60 x 60 cm	Trung Quốc/ Việt Nam			Tờ	110
135	KCB12	Khăn vuông	Trung Quốc/ Việt Nam			Cái	92
136	KCB10	Dép xốp vàng size 41	Trung Quốc/ Việt Nam			Đôi	55
137	KCB13	Lamen	Trung Quốc/ Việt Nam			Cái	480
138	KCB14	Khăn giấy	Trung Quốc/ Việt Nam			Tờ	3680
139	KD1	Găng tay y tế	Việt Nam		Size L	Cái	2000
140	KD2	Khẩu Trang than hoạt	Việt Nam			Cái	1000
141	KD3	Pipet thẳng 10ml	Việt Nam			Cái	15

142	KD4	Pipet thẳng 5ml	Việt Nam			Cái	15
143	KD5	Pipet thẳng 20ml	Việt Nam			Cái	6
144	KD6	Pipet thẳng paster	Việt Nam			Cái	104
145	KD7	Pipet bầu 25ml	Việt Nam			Cái	6
146	KD8	Giấy lọc kích thước 60 x 60 cm	Việt Nam			tờ	130
147	KD9	Giấy lọc kích thước 20 x 20 cm	Việt Nam			Hộp	12
148	KD10	Cốc có mỏ 100 ml	Tùy nguồn cung cấp			Cái	110
149	KD11	Cốc có mỏ Loại 250 ml	Tùy nguồn cung cấp			Cái	75
150	KD12	Cốc có mỏ Loại 500 ml	Tùy nguồn cung cấp			Cái	25
151	KD13	Pipet chia vạch 10 ml	Tùy nguồn cung cấp			Cái	20
152	KD14	Giá lọc	Tùy nguồn cung cấp			Cái	35
153	KD15	Phễu thủy tinh size 10cm	Việt Nam			Cái	40
154	KD16	Ly có chân 100ml	Tùy nguồn cung cấp			Cái	40
155	KD17	Cối chàyr sứ đường kính 15cm	Tùy nguồn cung cấp			Cái	16
156	KD18	Ống đong 100ml	Tùy nguồn cung cấp			Cái	35

157	KD19	Đũa thủy tinh chiều dài 30cm	Tùy nguồn cung cấp			Cái	40
158	KD20	Lọ nhựa đựng thuốc nhỏ mắt (5 hoặc 10 ml)	Tùy nguồn cung cấp			Lọ	100
159	KD21	Lọ nhựa hình thú đựng cốm (20g)	Tùy nguồn cung cấp			Lọ	100
160	KD22	Cân kỹ thuật	Việt Nam/TQ			Cái	8
161	KD23	Phễu thủy tinh size 75 mm	Việt Nam			Cái	20
162	KD24	Giấy đo pH	Việt Nam			tập	5
163	KD25	Cọ rửa ống nghiệm nhỏ	Việt Nam			Cái	10
164	KD26	Cọ rửa ống nghiệm trung	Việt Nam			Cái	5
165	KD27	Bình nón 100ml	Việt Nam			Cái	40
166	KD28	Bình lắng gạn 100ml	Việt Nam			Cái	10
167	KD29	Pipet có bầu Loại 10 ml (chính xác 0,05ml)	Tùy nguồn cung cấp			Cái	20
168	KD30	Giá đựng phễu lọc	Đức	Isolab		Cái	15
169	KD31	Quả bóp cao su 3 van	Đức			Cái	34
170	KD32	Thanh khuấy từ 3cm (Dùng trong máy khuấy từ)	Tùy nguồn cung cấp			Cái	17

171	KD33	Đĩa đáy (Dùng trong máy đo độ rắn)	Tùy nguồn cung cấp			Cái	12
172	KD34	Bình tia đựng nước cất nước 1000 ml	Tùy nguồn cung cấp			Cái	16
173	KD35	Cọ rửa dụng cụ thí nghiệm màu trắng kích thước 20 cm	Tùy nguồn cung cấp			Cái	16
174	KD36	Cọ rửa dụng cụ thí nghiệm màu trắng kích thước 40 cm	Tùy nguồn cung cấp			Cái	16
175	KD37	Giá đỡ pipet tròn 44 vị trí Onelab kệ nhựa	Tùy nguồn cung cấp			Cái	7
176	KD38	Giá treo dụng cụ thí nghiệm mã hàng: WJH0362A	Trung Quốc			Cái	5
177	KD39	Kính bảo vệ mắt	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	25
178	KD40	Giấy lọc phễu Buchner Ø 70mm, lỗ lọc 12µm	Tùy nguồn cung cấp			Hộp	5
179	KD41	Lưới amiăng	Tùy nguồn cung cấp			Cái	12
180	KD42	Bình nón có nút mài 100ml	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	32
181	KD43	Bình nón có nút mài 250 ml	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	32
182	KD44	Bình nón 250 ml	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	32
183	KD45	Kẹp ống thí nghiệm	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	40

184	KD46	Ống nghiệm so sánh	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	25
185	KD47	Bếp điện	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	5
186	KD48	Ống nghiệm có nắp vặn 20 ml	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	38
187	KD49	Cốc có mỏ Loại 1000 ml	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	20
188	KD50	Ống mao quản chấm sắc kí 5 μ l	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	200
189	KD51	Nhiệt kế	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	5
190	KD52	Lọ đựng hóa chất đếm giọt không màu (Thể tích ≥ 60 ml)	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	50
191	KD53	Lọ đựng hóa chất đếm giọt tối màu (Thể tích ≥ 60 ml)	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	50
192	KD54	Pipet có bầu Loại 1 ml (chính xác 0,05ml)	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	10
193	KD55	Pipet có bầu Loại 2 ml (chính xác 0,05ml)	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	10
194	KD56	Pipet có bầu Loại 5 ml (chính xác 0,05ml)	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	10
195	KD57	Ống đong Loại 50 ml (chính xác 0,1ml)	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	10
196	KD58	Ống đong Loại 100 ml (chính xác 0,1ml)	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	10

197	KD59	Ống đong Loại 10ml (chính xác 0,1ml)	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	10
198	KD60	Bình định mức 100 ml	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	10
199	KD61	Bình định mức 50 ml	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	10
200	KD62	Bình định mức 250 ml	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	3
201	KD63	Bình định mức 1000 ml	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	6
202	KD64	Pipet chia vạch Loại 2ml (chính xác 0,1ml)	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	10
203	KD65	Pipet chia vạch Loại 3ml (chính xác 0,1ml)	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	10
204	KD66	Pipet chia vạch Loại 5ml (chính xác 0,1ml)	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	10
205	KD67	Pipet chia vạch Loại 10ml (chính xác 0,1ml)	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	10
206	KD68	Đũa thủy tinh	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	10
207	KD69	Giá lọc	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	10
208	KD70	Phễu lọc Loại phễu $\varnothing$ 5-7 cm	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	10
209	KD71	Ống nghiệm 10ml	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	100
210	KD72	Ống nghiệm 20ml	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	100

211	KD73	Buret chia vạch 25 ml (chính xác 0,05ml)	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	10
212	KD74	Giá đựng Buret 25 ml	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	10
213	KD75	Bộ cối chày sứ	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	6
214	KD76	Bộ cối chày thủy tinh	Tùy nguồn cung cấp			Chiếc	6
215	KD77	Bộ giá đựng ống nghiệm 10 ml	Tùy nguồn cung cấp			Bộ	6
216	KD78	Bộ giá đựng, ống nghiệm 20 ml	Tùy nguồn cung cấp			Bộ	6
217	KD79	Khay đựng Loại 20 x 30 cm	Tùy nguồn cung cấp			<i>Chiếc</i>	10
218	KD80	Khay đựng Loại 30 x 40 cm	Tùy nguồn cung cấp			<i>Chiếc</i>	10
219	KD81	Bình đựng nước cất Loại 20 lít (nhựa)	Tùy nguồn cung cấp			<i>Chiếc</i>	3
220	KD82	Đèn cồn	Tùy nguồn cung cấp			<i>Chiếc</i>	6
221	KD83	Cốc sứ	Tùy nguồn cung cấp			<i>Chiếc</i>	6
222	KD84	Dép xốp xanh/nhựa	Việt Nam		Size 41	Đôi	100
223	KD85	Khăn vuông trắng kích thước 20 x 20cm	Việt Nam			Cái	260
224	KD86	Lọ nhựa 0,5 Kg	Việt Nam			Cái	130

225	KD87	Lọ nhựa nhỏ (200-250g)	Việt Nam			Cái	130
226	KD88	Bông gòn y tế	Việt Nam			gam	2000
227	KD89	Bông thủy tinh	Việt Nam			gam	200
228	KD90	Vải gạc	Việt Nam			m	5
229	KD91	Kéo 18*20cm	Việt Nam			Cái	14
230	KD92	Kéo Deli 6010 21 cmx 8.25 inch	Việt Nam			Cái	5
231	KD93	Túi ZIP số 10	Việt Nam			gram	500
232	KD94	Túi 2 quai 0,5 Kg	Việt Nam			gram	1000
233	KD95	Lọ nhựa 1 Kg	Việt Nam			Cái	100

PHỤ LỤC 3

Danh mục Dụng cụ

(kèm theo Thư mời số /TM-CDYT ngày /10/2026
của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa)

Danh sách gồm 31 mục./.

ST T	Danh mục dụng cụ	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãn g sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Tổng
1	Giá khớp bản lề	Việt Nam			Cái	31
2	Thước đo lòng mào	Trung Quốc			Cái	3
3	Khay nướng sứ tổ ong	Mỹ			Cái	1

4	Pen cong Pakistan	Pakistan			Cái	6
5	Trục lắp trụ đánh bóng Eve Mandrels 61HP	trung quốc			Cái	6
6	Mũi mài nhựa ngọn lửa	Việt Nam			Cái	6
7	Mũi mài Prima Classic Carbide HP1/4; HP6; HP10; HP701; HP703	Anh		Mỗi loại 1 vĩ	Vĩ 5 cái	5
8	Khay lấy dầu nhựa 01D, 04D, 20D,21D	Việt Nam		5 cái mỗi loại	Cái	17
9	Máy mài Micromotor SAESHIN	hàn quốc			Cái	4
10	Chén trộn nhựa silicon	Việt Nam			Cái	4
11	Lược cùi giả	Tùy nguồn cung cấp			túi 10 cái	6
12	Khay lấy dầu nhựa 01D	Tùy nguồn cung cấp			cái	5
13	Khay lấy dầu nhựa 04D	Tùy nguồn cung cấp			cái	5
14	Khay lấy dầu nhựa 20D	Tùy nguồn cung cấp			cái	5
15	Khay lấy dầu nhựa 21D	Tùy nguồn cung cấp			cái	5
16	Khay lấy dầu inox dùng cho phục hình tháo lắp toàn hàm size M	Đức	Zher mark		cặp trên dưới	2
17	Khay lấy dầu inox dùng cho phục hình tháo lắp toàn hàm size L	Đức	Zher mark		cặp trên dưới	2
18	Khay lấy dầu inox dùng cho phục hình tháo lắp toàn hàm size XL	Đức	Zher mark		cặp trên dưới	2
19	Kềm bẻ móc 0,8mm	Tùy nguồn cung cấp			Cuộn 50gr	10
20	Kềm bẻ móc 0,7mm	Tùy nguồn cung cấp			Cuộn 50gr	10
21	Mũi mài nhựa ngọn lửa				cái	6

22	Ống bao bột đúc số 3 đi kèm đế đúc				bộ	6
23	Múp ép nhựa đồng loại lớn				cái	12
24	Lưỡi dao mổ 11				hộp	1
25	Máy mài Micromotor SAESHIN				cái	6
26	Huyết sắc kế Saly	Việt Nam			bộ	5
27	Bộ đo tốc độ máu lắng Pachenkop	Việt Nam			bộ	5
28	Găng tay cao su y tế không bột	Mỹ	Asap		hộp	6
29	Khăn choàng nha khoa dùng 1 lần	Trung Quốc			bịch	4
30	Ống hút nước bọt dùng 1 lần				bịch	3
31	Ly nhựa dùng 1 lần				lốc	12

PHỤ LỤC 4

Danh mục Dược liệu

(kèm theo Thư mời số /TM-CĐYT ngày /10/2026
của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa)

Danh sách gồm 61 mục./.

STT	Danh mục Dược liệu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Tổng đề xuất (số chẵn)
1	Kim ngân hoa		Gram	1000
2	Sắn Dây		Gram	600
3	Ý Dĩ		Gram	500
4	Ý dĩ (hạt lớn)		Gam	500
5	Hoài Sơn		Gram	1000
6	Sen (Liên tâm)		Gram	500
7	Cam Thảo bắc		Gram	600
8	Mạch môn		Gram	500
9	Thiên môn		Gram	500
10	Cát cánh		Gram	500
11	Ngưu Tất		Gram	500
12	Ngũ gia bì chân chim		Gram	500
13	Nhân Sâm		Gram	500
14	Tam Thất		Gram	500
15	Thảo Quyết Minh		Gram	500
16	Đại Hoàng		Gram	500
17	Hà Thủ Ô đỏ		Gram	500
18	Ba Kích		Gram	500
19	Lô Hội		Gram	500
20	Tang diệp		Gram	500
21	Râu Mèo		Gram	500
22	Tang Bạch bì		Gram	500
23	Tô Mộc		Gram	500
24	Xạ can.		Gram	500
25	Cò mực		Gram	500

26	Mã tiền		Gram	1000
27	Bình Vôi		Gram	500
28	Hoàng liên chân gà		Gram	500
29	Vòng Nem		Gram	500
30	Lạc Tiên		Gram	500
31	Ích mẫu		Gram	500
32	Ô đầu		Gram	500
33	Chỉ thực		Gram	500
34	Chỉ xác		Gram	500
35	Trần bì		Gram	500
36	Đại hồi		Gram	500
37	Thảo quả		Gram	500
38	Sa Nhân		Gram	500
39	Gừng (Can khương)		Gram	500
40	Mẫu lệ		Gram	500
41	Ô tặc cốt		Gram	600
42	Mã đề		Gram	500
43	Viễn chí		Gram	500
44	Hoa hòe		Gram	500
45	Atiso		Gram	500
46	Bạch chỉ		Gram	500
47	Sài đất		Gram	500
48	Măng cụt		Gram	500
49	Ngũ bội tử		Gram	500
50	Vàng đắng		Gram	500
51	Cau (Hạt)		Gram	500
52	Quế (Quế nhục)		Gram	500
53	Bạc hà		Gram	500
54	Kinh giới		Gram	500
55	Tía tô		Gram	500
56	Hương nhu tía		Gram	500
57	Đinh hương		Gram	500
58	Cửu khổng		Gram	500
59	Hạt gấc		Gram	500
60	Hạt thầu dầu		Gram	500
61	Tắc kè		Con	10

PHỤ LỤC 5

Danh mục Hóa chất

(kèm theo Thư mời số /TM-CDYT ngày /10/2026
của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa)

Danh sách gồm 14 mục./.

STT	Danh mục Hóa chất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Tổng đề xuất (số chẵn)
1	Thuốc tím (KMnO ₄)		gam	90
2	Acid Sulfuric (H ₂ SO ₄)		ml	120
3	Axit clohidric (HCl)		ml	240
4	Etanol 98% (C ₂ H ₅ OH)		ml	60
5	Natri hydroxit (NaOH)		gam	300
6	Phenolphthalein		gam	6
7	Cloroform (CHCl ₃)		ml	480
8	Methanol (CH ₃ OH)		ml	240
9	Chất chuẩn			
10	Acid oxalic (H ₂ C ₂ O ₄)		gam	60
11	Methylprednisolon		g	60
12	Dụng cụ			
13	Giấy lọc		Hộp	120
14	Ống mao quản		ống	120